

Bản án số: 590/2026/DS - PT

Ngày 26 - 6 - 2026

V/v “*Tranh chấp chia thừa
kế*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Hùng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thế Hồng

Ông Lê Minh Đạt

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Tô Thị Út - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ngọc Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 298/2026/TLPT-DS ngày 11 tháng 5 năm 2026 về việc “*Tranh chấp chia thừa kế*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 187/2025/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 515/2026/QĐ-PT ngày 14 tháng 5 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 674/2026/QĐ – PT ngày 08 tháng 6 năm 2026 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:**

1. Ông Võ Văn S, sinh năm 1947 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện B, tỉnh Bến Tre (nay là ấp V, xã L, tỉnh Vĩnh Long).

Người đại diện hợp pháp của ông Võ Văn S: Ông Phạm Quang H, sinh năm 1980 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp G, xã T, tỉnh Vĩnh Long. Theo văn bản ủy quyền ngày 25/6/2026.

2. Ông Võ Văn H1, sinh năm 1948 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện B, tỉnh Bến Tre (nay là ấp V, xã L, tỉnh Vĩnh Long).

3. Ông Võ Văn D, sinh năm 1968 (vắng mặt)

Địa chỉ : Ấp V, xã V, huyện B, tỉnh Bến Tre (nay là ấp V, xã L, tỉnh Vĩnh Long).

- Bị đơn:

1. Ông Võ Văn E, sinh năm 1965 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện B, tỉnh Bến Tre (Nay là ấp V, xã L, tỉnh Vĩnh Long).

Người đại diện hợp pháp của ông Võ Văn E: Ông Trần Văn P (H, R), sinh năm 1959 (có mặt)

Địa chỉ: Số E ấp B, xã S, thành phố B, tỉnh Bến Tre (Nay là số 566/2 ấp B, phường S, tỉnh Vĩnh Long). Theo văn bản ủy quyền ngày 30/01/2020.

2. Bà Lê Thị Kim E1, sinh năm 1965 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện B, tỉnh Bến Tre (nay là ấp V, xã L, tỉnh Vĩnh Long).

Người đại diện hợp pháp của bà Lê Thị Kim E1: Ông Trần Văn P (H, R), sinh năm 1959 (có mặt)

Địa chỉ: Số E ấp B, xã S, thành phố B, tỉnh Bến Tre (Nay là số 566/2 ấp B, phường S, tỉnh Vĩnh Long). Theo văn bản ủy quyền ngày 18/6/2026.

3. Bà Võ Thị L (L1), sinh năm 1975 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện B, tỉnh Bến Tre (nay là ấp V, xã L, tỉnh Vĩnh Long).

Địa chỉ hiện nay: 322/46 khu phố C, phường B, quận B, thành phố Hồ Chí Minh (nay là 322/46 C, khu phố F, phường B, thành phố Hồ Chí Minh).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Võ Văn H2, sinh năm 1946 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước (nay là ấp T, xã H, tỉnh Đồng Nai).

2. Bà Võ Thị L2, sinh năm 1955 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số C đường Á, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (Nay là số C đường Á, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh).

Địa chỉ hiện nay: Ấp G, xã C, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của bà Võ Thị L2: Ông Trần Văn P (H, R), sinh năm 1959 (có mặt)

Địa chỉ: Số E ấp B, xã S, thành phố B, tỉnh Bến Tre (Nay là số 566/2 ấp B, phường S, tỉnh Vĩnh Long). Theo văn bản ủy quyền ngày 18/6/2026.

3. Ông Võ Thanh H3, sinh năm 1956 (vắng mặt)

4. Ông Võ Văn C, sinh năm 1958 (vắng mặt)

5. Ông Võ Văn M, sinh năm 1963 (vắng mặt)

6. Bà Bùi Thị Đ, sinh năm 1969 (vắng mặt)

7. Ông Trần Văn T, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện B, tỉnh Bến Tre (nay là ấp V, xã L, tỉnh Vĩnh Long).

8. Bà Võ Thị Tuyết M1, sinh năm 1966 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện B, tỉnh Bến Tre (nay là ấp V, xã L, tỉnh Vĩnh Long).

Người đại diện hợp pháp của bà Võ Thị Tuyết M1: Ông Võ Văn D, sinh năm 1968 (vắng mặt)

Địa chỉ : Ấp V, xã V, huyện B, tỉnh Bến Tre (nay là ấp V, xã L, tỉnh Vĩnh Long). Theo văn bản ủy quyền ngày 27/5/2019.

9. Bà Võ Thị N, sinh năm 1971 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện B, tỉnh Bến Tre (nay là ấp V, xã L, tỉnh Vĩnh Long).

10. Chị Võ Thị Kim C1, sinh năm 1997 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện B, tỉnh Bến Tre (nay là ấp B, xã L, tỉnh Vĩnh Long).

Người đại diện hợp pháp của chị Võ Thị Kim C1: Ông Trần Văn P (H, R), sinh năm 1959 (có mặt)

Địa chỉ: Số E ấp B, xã S, thành phố B, tỉnh Bến Tre (Nay là số 566/2 ấp B, phường S, tỉnh Vĩnh Long). Theo văn bản ủy quyền ngày 18/6/2026

- *Người kháng cáo:* Ông Võ Văn S là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Võ Văn S, ông Võ Văn H1, ông Võ Văn D trình bày: Cụ Võ Văn T1 (Chết năm 1982), cụ Đỗ Thị C2 (Chết năm 2007), cụ T1, cụ C2 có 11 người con chung gồm: Võ Văn T2, Võ Văn S, Võ Văn H2, Võ Văn H1, Võ Thị P1, Võ Văn B (B), Võ Thị L2, Võ Thanh H3 (B), Võ Văn C, Võ Văn M, Võ Văn E (Ú). Ông Võ Văn T2 (chết) có vợ tên là Phạm Thị B1 và có 03 con chung: Võ Thị Tuyết M1, Võ Văn D, Võ Thị N. Võ Thị P1 (Hy sinh năm 1968, không có chồng con). Võ Văn B (Bích A) (chết năm 1973, không có vợ con). Lúc còn sống, cụ C2 có 02 thửa đất số 501 (Thổ cư) và 502 (Lâu năm) tờ bản đồ số 1 (nay là thửa đất số 96,124 tờ bản đồ số 4), tổng diện tích là 4.875 m² tọa lạc ấp B, xã V, huyện B, tỉnh Bến Tre; cụ C2 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 13/4/2000. Nay các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết chia di sản thừa kế của cụ Đỗ Thị C2 theo quy định pháp luật là mỗi người được hưởng diện tích đất 1.000 m².

Bị đơn ông Võ Văn E trình bày: Ông E thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về hàng thừa kế của cụ T1, cụ C2. Thống nhất 02 thửa đất số 501, 502, tờ bản đồ số 1 (nay là thửa đất số 96,124 tờ bản đồ số 4), tổng diện tích là 4.875 m² tọa lạc tại ấp B, xã V, huyện B, tỉnh Bến Tre là của cụ C2. Ngày 06/7/2004, cụ C2 lập di chúc

để lại cho ông hưởng 300 m² đất thổ cư, bà Võ Thị L (cháu ngoại) hưởng 4.575 m² đất cây lâu năm thuộc thửa đất 501, 502, tờ bản đồ số 1 (nay là thửa đất số 96, 124, tờ bản đồ số 4), tọa lạc ấp B, xã V, huyện B, tỉnh Bến Tre. Nay ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn và yêu cầu được hưởng di sản theo di chúc ngày 06/7/2004 của cụ C2. Đối với diện tích thực đo tăng thêm 2.642,9m² (7.517,9 m² - 4.875 m²) so với diện tích được cấp quyền sử dụng đất cho cụ C2 là do ông khai phá và có cải tạo lần thêm đất kênh rạch, rừng lá, không phải đất của bà C2 nên không đồng ý chia thừa kế; trường hợp Tòa án chia phần đất này thì phải trả công sức cho ông đã bỏ ra từ năm 1984 đến nay và công chăm sóc, nuôi dưỡng và thờ cúng bà C2 theo quy định.

Bị đơn bà Võ Thị L trình bày: Bà ngoại bà là cụ Đỗ Thị C2 có lập di chúc đề ngày 6/7/2004, chia cho bà cùng với ông Võ Văn E được hưởng diện tích đất là 4.875 m² thuộc thửa đất 501, 502, tờ bản đồ số 1 (nay là thửa đất số 96, 124, tờ bản đồ số 4), tọa lạc ấp B, xã V, huyện B, tỉnh Bến Tre. Nay bà không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn và yêu cầu được hưởng di sản theo di chúc ngày 06/7/2004 của cụ C2; bà không yêu cầu phân chia cụ thể mà để bà và ông E tự thỏa thuận với nhau sau này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Võ Thị Tuyết M1, Võ Thị N trình bày: Hai bà và ông Võ Văn D là con ruột của ông Võ Văn T2, nay hai bà yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật thửa đất 501, 502 là di sản của cụ C2 và xin nhận phần thừa kế mà cha các bà là ông T2 được hưởng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị L2, ông Võ Văn H2 trình bày: Cụ Đỗ Thị C2 là mẹ các ông, bà, cụ C2 có di chúc để lại di sản là quyền sử dụng đất cho ông Võ Văn E và bà Võ Thị L diện tích 4.875 m², thửa đất 501, 502. Kết quả đo đạc thực tế là 7.517,9 m²; phần diện tích tăng thêm 2.642,9m², ông, bà yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật cho 11 người con chung của cụ C2; ông, bà yêu cầu mỗi người được nhận giá trị diện tích đất 240 m².

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn M trình bày: Cụ Đỗ Thị C2 là mẹ ông, cụ C2 có di chúc để lại di sản là quyền sử dụng đất cho ông Võ Văn E và bà Võ Thị L diện tích 4.875 m², thửa đất 501, 502. Kết quả đo đạc thực tế là 7.517,9 m²; phần diện tích tăng thêm 2.642,9m², ông yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật cho 11 người con chung của cụ C2, ông yêu cầu được nhận bằng hiện vật ngay vị trí ngôi nhà chính, nhà vệ sinh do ông đã xây dựng trước đó.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị Đ trình bày: Ngày 30/7/2012, bà và ông Võ Văn M có lập hợp đồng thuê nhà, thời hạn thuê 40 năm, giá tiền thuê là 50.000.000 đồng, bà cùng con trai là Trần Văn T đang ở. Tòa án giải quyết vụ án như thế nào thì bà cùng ông T tự di dời đi nơi khác trả đất, còn việc thuê nhà giữa bà và ông M hai bên tự thỏa thuận, giải quyết sau.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 187/2025/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Vĩnh Long đã quyết định:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Văn S, Võ Văn H1, Võ Văn D về việc yêu cầu chia di sản thừa kế theo quy định pháp luật mỗi người

được chia diện tích đất 1.000 m² đối với thửa đất số 501, 502 tờ bản đồ số 1 (Số liệu đo đạc chính quy là thửa đất số 96, 124 tờ bản đồ số 4) tọa lạc ấp B, xã V, huyện B, tỉnh Bến Tre (nay là ấp V, xã L, tỉnh Vĩnh Long) của cụ Đỗ Thị C2.

2. Tuyên bố di chúc của cụ Đỗ Thị C2 lập ngày 06/7/2004 là hợp pháp và phát sinh hiệu lực pháp luật.

3. Xác định di sản của cụ Đỗ Thị C2 chết để lại là diện tích đất theo kết quả đo đạc thực tế là 7.517,9 m² thuộc thửa đất số 96, 124 tờ bản đồ số 4, tọa lạc ấp B, xã V, huyện B, tỉnh Bến Tre (nay là ấp V, xã L, tỉnh Vĩnh Long) theo họa đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 13/6/2025 (Kèm theo). Trong đó, di sản đã được cụ Đỗ Thị C2 định đoạt trong di chúc lập ngày 06/7/2004 có diện tích là 4.875 m² và chưa định đoạt trong di chúc lập ngày 06/7/2004 có diện tích là 2.642,9 m².

Di sản cụ Đỗ Thị C2 định đoạt trong di chúc lập ngày 06/7/2004 có diện tích là 4.875 m² thuộc thửa đất số 96, 01 phần thửa 124, tờ bản đồ số 4 (Số liệu đo đạc không chính quy thuộc thửa đất số 501, 502 tờ bản đồ số 1) tọa lạc ấp B, xã V, huyện B, tỉnh Bến Tre (nay là ấp V, xã L, tỉnh Vĩnh Long) được chia cho:

- Ông Võ Văn E nhận và hưởng di sản diện tích đất 300 m² (Thổ cư).
- Bà Võ Thị L nhận và hưởng di sản diện tích đất 4.575 m² (Lâu năm).

Ghi nhận ông Võ Văn E và bà Võ Thị L không có yêu cầu xác định riêng và phân chia phần đất thừa kế được hưởng của từng người theo di chúc cụ C2, để hai bên tự thỏa thuận thương lượng.

4. Di sản cụ Đỗ Thị C2 chưa định đoạt trong di chúc lập ngày 06/7/2004 có diện tích là 2.642,9 m² thuộc 01 phần thửa 124, tờ bản đồ số 4 (Số liệu đo đạc không chính quy thuộc 01 phần thửa đất số 502 tờ bản đồ số 1) tọa lạc ấp B, xã V, huyện B, tỉnh Bến Tre (nay là ấp V, xã L, tỉnh Vĩnh Long) được chia thừa kế theo pháp luật. Cụ thể như sau:

4.1 Ông Võ Văn E được chia và được nhận di sản thừa kế diện tích đất bằng giá trị số tiền là 63.853.200 đồng.

4.2. Ông Võ Văn H1, Võ Văn H2, bà Võ Thị L2 mỗi người được hưởng thừa kế số tiền là 12.770.600 đồng.

4.3. Ông Võ Văn D, chị Võ Thị Tuyết M1 và chị Võ Thị N (người thừa kế thế vị của ông Võ Văn T2) được hưởng thừa kế thế vị của ông T2 là 12.770.600 đồng.

4.4. Ông Võ Văn M được chia và được nhận di sản thừa kế diện tích đất gắn liền nhà ở ký hiệu g được biểu thị ở thửa 124-5 diện tích 33.2 m², nhà vệ sinh biểu thị ở thửa 124-4 diện tích 5.4 m², tổng diện tích đất ông M sử dụng là 38.6 m² có giá trị là 2.895.000 đồng. Ông Võ Văn E phải hoàn trả cho ông M số tiền còn lại cho ông M là 9.875.600 đồng.

5. Di sản là diện tích đất tăng thêm 2.642,9 m² được chia thừa kế nêu trên thực tế hiện nay do ông Võ Văn E đang trực tiếp quản lý và sử dụng toàn bộ nên ông E được nhận bằng hiện vật diện tích đất này của cụ C2 để lại sau khi đã hoàn trả lại giá

trị bằng tiền tương ứng cho đồng thừa kế đã nêu tại quyết định thể hiện tại mục 4.2, 4.3, 4.4 khi bản án có hiệu lực pháp luật.

6. Các ông bà Võ Văn E, bà Võ Thị L và ông Võ Văn M có nghĩa vụ tự liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với các phần đất được chia và nhận thừa kế có diện tích và tứ cận nêu trên theo quy định của pháp luật khi bản án có hiệu lực pháp luật. Đồng thời chỉnh lý biên động theo quy định của cụ Đồ Thị C2 để cấp đất cho ông E, bà L và ông M theo quy định.

7. Ghi nhận sự tự thỏa thuận của ông E, bà L và ông S không yêu cầu giải quyết 02 ngôi mộ được biểu thị ở thửa 124-8 diện tích 10.5 m² và 124-9 diện tích 3.7 m² (mộ của con ông Võ Văn S) nên Hội đồng xét xử không xét đến.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí, chi phí tố tụng, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 08 tháng 10 năm 2025, nguyên đơn ông Võ Văn S kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết sửa bản án sơ thẩm theo hướng tuyên bố di chúc của cụ Đồ Thị C2 lập ngày 06/7/2004 vô hiệu và yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với thửa đất 501, 502.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, ông Phạm Quang H là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Võ Văn S không rút yêu cầu khởi kiện của ông S, giữ nguyên yêu cầu kháng cáo của ông S. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của vị Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tiến hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, vị Kiểm sát viên cho rằng: Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, các đương sự đều thừa nhận cụ Đồ Thị C2 không biết chữ, do đó các di chúc của cụ Đồ Thị C2 lập là Giấy thừa kế ngày 24/9/1999, Tờ di chúc để lại tài sản cho các con ngày 06/3/2000, Tờ di chúc ngày 06/7/2004 không có người làm chứng nên vô hiệu theo quy định tại khoản 2 Điều 661 và khoản 3 Điều 655 của Bộ luật dân sự năm 1995. Tòa án cấp sơ thẩm công nhận Tờ di chúc ngày 06/7/2004 có hiệu lực pháp luật là không đúng quy định trên của pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm chưa chia thừa kế theo pháp luật các thửa đất 501, 502 và chưa vẽ sơ đồ phân chia nên cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm chia cho ông Võ Văn M phần đất gắn với căn nhà diện tích 33,2m² và phần đất gắn với nhà vệ sinh diện tích 5,4m² không đảm bảo diện tích tối thiểu tách thửa, không có lối đi ra đường công cộng là không phù hợp. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân Khu vực 8 - V giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt đương sự: Nguyên đơn ông Võ Văn H1, ông Võ Văn D; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn H2, ông Võ Văn H4, ông Võ Văn C, ông Võ Văn M, bà Bùi Thị Đ, ông Trần Văn T, bà Võ Thị N vắng mặt nhưng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Phiên tòa hôm nay là phiên tòa mở lần thứ hai nên căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đương sự trên.

[2] Ngày 13/4/2000, Ủy ban nhân dân huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất 501, 502, tờ bản đồ số 1, tổng diện tích là 4.875 m² (thực đo 7.517,9 m²), tọa lạc ấp B, xã V, huyện B, tỉnh Bến Tre cho hộ cụ Đỗ Thị C2. Nguồn gốc hai thửa đất này là của cha, mẹ cụ Võ Văn T1 (chết năm 1982, chồng cụ C2) để lại. Sau khi cụ T1 chết, cụ C2 đi kê khai, đăng ký và được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 13/4/2000 nên các thửa đất 501, 502, tổng diện tích 4.875 m² (thực đo 7.517,9 m²) là di sản của cụ C2.

[3] Ngày 24/9/1999, cụ Đỗ Thị C2 lập “Giấy thừa kế” để lại thừa kế diện tích đất vườn dừa 4.875 m² cho ông Võ Văn E (Bút lục số 154). Ngày 06/3/2000, cụ Đỗ Thị C2 lập “Tờ di chúc để lại tài sản cho các con” để lại diện tích đất vườn dừa 4.875 m², thuộc thửa 501, 502 cho ông Võ Văn S, ông Võ Văn H1, ông Võ Văn E, ông Võ Văn D mỗi người 1.000 m², còn 875 m² dùng vào việc hương hỏa, thờ cúng ông bà (Bút lục số 151, 152). Ngày 06/7/2004, cụ Đỗ Thị C2 lập “Tờ di chúc” để lại cho ông Võ Văn E được thừa hưởng căn nhà và 300 m² đất nền nhà để thờ phụng ông bà; để lại cho bà Võ Thị L được thừa hưởng mảnh đất vườn dừa diện tích là 4.575 m² (Bút lục số 149, 150).

Xét thấy, các di chúc là “Giấy thừa kế” ngày 24/9/1999, “Tờ di chúc để lại tài sản cho các con” ngày 06/3/2000, cụ C2 chỉ lẳng tay và được UBND xã V Đông chứng thực; “Tờ di chúc” ngày 06/7/2004, cụ C2 chỉ gạch thập và lẳng tay, được UBND xã V Đông chứng thực ngày 07/7/2004. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bà Võ Thị L, ông Trần Văn P là người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Võ Văn E, ông Phạm Quang H là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Võ Văn S đều thừa nhận cụ C2 không biết chữ. Các di chúc này không có người làm chứng trong khi cụ C2 không biết chữ nên các di chúc này vô hiệu theo quy định tại khoản 2 Điều 661 và khoản 3 Điều 655 của Bộ luật dân sự năm 1995. Ngoài ra, đối với Tờ di chúc ngày 06/7/2004, cụ C2 không biết chữ nhưng UBND xã V lại chứng thực ghi: “*Người lập di chúc đã đọc lại bản di chúc này, đã đồng ý toàn bộ nội dung ghi trong di chúc và đã ký vào di chúc trực sự có mặt của tôi*”.

Khoản 2 Điều 661 của Bộ luật dân sự năm 1995 quy định: “*Trong trường hợp người lập di chúc không đọc được hoặc không nghe được bản di chúc, không ký hoặc không điểm chỉ được thì phải nhờ người làm chứng và người này phải ký xác nhận trước mặt công chứng viên hoặc người có thẩm quyền chứng thực của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn. Công chứng viên, người có thẩm quyền chứng thực của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn chứng nhận bản di chúc trước mặt người lập di chúc và người làm chứng*”.

Khoản 3 Điều 655 của Bộ luật dân sự năm 1995 quy định: “*Di chúc của người bị hạn chế về thể chất hoặc của người không biết chữ phải được người làm chứng lập thành văn bản và có chứng nhận của Công chứng nhà nước hoặc chứng thực của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn*”.

Việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định Tờ di chúc ngày 06/7/2004 có hiệu lực pháp luật là không đúng với quy định trên của Bộ luật dân sự năm 1995. Do Giấy thừa kế ngày 24/9/1999, Tờ di chúc để lại tài sản cho các con ngày 06/3/2000 và Tờ di chúc ngày 06/7/2004 vô hiệu nên các thửa đất 501, 502 phải được chia thừa kế theo pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm chưa chia thừa kế theo pháp luật di sản của cụ C2 là các thửa đất 501, 502; chưa vẽ sơ đồ phân chia phần thừa kế đối với các thửa đất 501, 502 trên nên Tòa án cấp phúc thẩm không thể sửa bản án sơ thẩm mà cần phải hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

[4] Xét ý kiến của vị Kiểm sát viên, như phân tích ở phần trên, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Võ Văn S không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Ông S thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 308 và Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số: 187/2025/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Vĩnh Long.

Giao hồ sơ vụ án về cho Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Vĩnh Long giải quyết lại sơ thẩm theo thủ tục chung.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Võ Văn S không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Ông S thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm.

Về tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm, tiền tạm ứng chi phí tố tụng sẽ được quyết định khi vụ án được giải quyết lại.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- TAND Khu vực 8 – Vĩnh Long;
- Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Văn Hùng